TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 15/02/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp;

+ Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Nguyễn Thị Phương Nga

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

-***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐHPTST – DS ngày 18/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân V, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn T, xã N2, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn T, xã N2, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã N2, huyện N, tỉnh Hải Dương .

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn T, xã N2, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Bà S có mặt; vắng mặt bà N1, ông V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Xuân V và bà Bùi Thị S trình bày:

Ông Vũ Xuân V, bà Bùi Thị S và bà Nguyễn Thị N1 là hàng xóm láng giềng và là người cùng thôn. Ngày 01/5/2017, bà N1 do cần tiền để giải quyết công việc riêng nên đã hỏi vay vợ chồng bà số tiền 70.000.000đ và bà N1 đã V

giấy biên nhận vay tiền trong giấy vay tiền thể hiện nội dung không tính lãi. Mặc dù, trong giấy vay nợ không ghi thời hạn trả nợ nhưng giữa hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng ông bà cần lấy lại tiền sẽ báo trước bà N1 05 đến 07 ngày để bà N1 thu xếp trả nợ. Khi gia đình ông bà cần tiền đòi bà N1 không trả và khất nợ nhiều lần. Ông bà xác định nguồn tiền cho bà N1 vay là tiền tích cóp của vợ chồng và cho cá nhân bà N1 vay không liên quan đến ông Đoàn Văn T chồng bà N1. Tuy nhiên tại giấy vay tiền có ghi chữ Đoàn Văn T là do bà N1 tự V chứ không phải chữ ký của ông T. Khi giao tiền ông T không có mặt, không chứng kiến việc vay mượn. Hiện ông T chồng bà N1 đã mất. Kể từ khi vay đến nay bà N1 chưa trả ông bà bất kỳ một khoản tiền nào. Nay ông bà đề nghị Tòa án buộc bà N1 phải trả ông bà số tiền nợ gốc là 70.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra, ông bà không còn yêu cầu nào khác.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của ông Vũ Xuân V số tiền 70.000.000đ mục đích là để cho người khác vay. Việc vay nợ giữa bà và vợ chồng ông V là việc vay nợ riêng của bà. Tuy nhiên, sau khi vay một thời gian thì những người vay tiền của bà mất khả năng thanh toán nên khi vợ chồng ông V đòi bà không có tiền trả. Nay ông V khởi kiện bà nhất trí với khoản vay nợ trên tuy nhiên bà chưa có tiền để trả. Khi nào đòi được của những người vay của bà bà sẽ trả số tiền trên cho vợ chồng ông V. Chữ Đoàn Văn T trong giấy vay tiền ghi ngày 01/5/2017 là do bà tự V, không phải chữ của ông T chồng bà. Do bà là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì bà có đến Tòa cũng không giải quyết được do bà chưa có tiền để trả ông V, bà S.

Xác minh tại UBND xã N2, Công an xã N2: bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958; bà N1 hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã N2, huyện N, tỉnh Hải Dương. Bà N1 có chồng là ông Đoàn Văn T. Ông T mất ngày 30/7/2020.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Ông Vũ Xuân V ủy quyền cho bà Bùi Thị S, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Bùi Thị S đề nghị Tòa án buộc bà N1 phải trả vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 70.000.000đ, vợ chồng bà không yêu cầu về lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố

tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 351, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân V buộc bà Nguyễn Thị N1 phải trả ông Vũ Xuân V và bà Bùi Thị S số tiền gốc đã vay là 70.000.000đ. Về án phí: bị đơn bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tuy nhiên bà N1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên miễn án phí cho bà N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 09/11/2022, Ông Vũ Xuân V có gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N1 phải trả vợ chồng là Vũ Xuân V và Bùi Thị S số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000đ, không yêu cầu về lãi suất, có giấy vay nợ kèm theo ghi ngày 01/5/2017. Do vậy, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Bà Nguyễn Thị N1 hiện có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị N1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Vũ Xuân V và bà Bùi Thị S xác định ngày 01/5/2017 bà Nguyễn Thị N1 có V giấy vay tiền của ông Vũ Xuân V và bà Bùi Thị S với tổng số tiền 70.000.000đ không tính lãi, trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn cho vay. Hai bên thỏa thuận khi nào cần thì bà N1 sẽ thu xếp trả tuy nhiên kể từ khi vay đến nay ông V, bà S đòi nhiều lần nhưng bà N1 vẫn không trả. Việc ông V, bà S cho bà N1 vay là cho vay cá nhân bà N1 không liên quan đến ông Đoàn Văn T chồng bà N1. Lúc bà N1 vay không T cũng không có mặt, không chứng kiến việc vay mượn. Quá trình giải quyết vụ án bà N1 thừa nhận có vay của vợ chồng ông V, bà S số tiền 70.000.000đ như giấy vay tiền mà ông V, bà S xuất trình cho Tòa án và đây là việc vay riêng giữa bà và vợ chồng ông V, bà S không liên quan đến ông Đoàn Văn T chồng bà, chữ Đoàn Văn T trong giấy vay tiền ghi ngày 01/5/2017 là do bà tự ghi. Ông T mất năm 2020. Do vậy, có đủ căn cứ xác

định số tiền bà N1 vay của ông V, bà S là 70.000.000đ. Xét, khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung vay thể hiện số tiền vay 70.000.000đ. Mặc dù hình thức của hợp đồng chưa phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nhưng các bên đã thừa nhận về khoản vay, số tiền vay và thời điểm vay. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền bà N1 vay ông V, bà S là 70.000.000đ; chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Xuân V buộc bà Nguyễn Thị N1 phải có nghĩa vụ trả ông Vũ Xuân V bà và Bùi Thị S số tiền nợ gốc là 70.000.000đ. Ông V, bà S không yêu cầu về lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên bà N1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 351, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân V

1. Buộc bà Nguyễn Thị N1 phải trả cho ông Vũ Xuân V và bà Bùi Thị S số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà S, ông V có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà bà N1 không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N1.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Điệp